

Bản án số: 108/2023/HS-PT
Ngày 31 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn T Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Bá Kha**

Bà **Ngô Thị Minh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2023/HS-PT ngày 21 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Công T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Công T (Ri), sinh ngày 29/3/1987, tại G – Kiên Giang. Nơi thường trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng T1 và bà Phạm Thị M; vợ Nguyễn Thị L1 và 02 người con sinh năm 2010 và năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt).

2. Ngô Văn N (Linh), sinh năm 1992, tại G - Kiên Giang.

Nơi thường trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Phạm Thị G; vợ Trần Thị Thu N1 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

3. **Võ P L** (Hân), sinh ngày 01/01/1985, tại G - Kiên Giang.

Nơi thường trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn R và bà Đỗ Thị K; vợ Lê Thị Bích Q và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Võ Hồng P, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Võ P L (Hân), sinh ngày 01/01/1985 (có mặt)

Nơi thường trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

3. Phạm Công T (Ri), sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi thường trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 29 tháng 01 năm 2022, Võ P L đến tìm Ngô Văn N cùng trú tại ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang để nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn. Trên đường về L lấy 02 con dao (thường dùng để chặt nước đá) của bà Lê Thị Mum ở gần đó rồi quay lại tìm N thì gặp Phạm Công T, trú tại ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang đang đi ra từ hẻm nhà N. L liền cầm dao rượt đuổi làm T bỏ chạy và té ngã xuống đường lộ, L dùng dao chém trúng vào vùng gối, cẳng chân trái gây thương tích. Bị chém, T dùng chân đạp L văng ra rồi nhặt lấy 01 đoạn cây đánh trả. Lúc này, Võ Hồng P cầm 01 viên gạch ống ném về phía T nên T quay lại dùng đoạn cây đánh trúng vào cẳng tay trái của P gây thương tích. N từ trong nhà xông ra, cầm 01 viên gạch ống ném về phía L, T đang đánh nhau rồi nhặt lấy 01 đoạn cây đánh về phía L. Khi L bị rơi dao, N liền nhặt lấy dao rồi cầm dao chém trúng vào vùng lưng và vùng gối chân phải của L gây thương tích. Hứa T Hưng, Hà Văn Tâm chạy đến ôm N đè xuống đường để gỡ lấy con dao trên tay thì có người đánh trúng vùng đầu, vùng mũi (mặt) của Tâm gây thương tích. Sự việc được mọi người can ngăn và đưa những người bị thương đi cấp cứu.

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 219/TgT, ngày 14/4/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Võ P L:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vùng lưng phải, lưng trái và gối phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng lưng phải là 02% (hai phần trăm).

- Vùng lưng trái là 01% (một phần trăm).

- Vùng gối phải là 03% (ba phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (sáu phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật sắc; Vật chứng (cây dao) gửi giám định gây được các thương tích trên (bút lục 177-179).

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 252/TgT, ngày 28/4/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Võ Hồng P:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy xương trụ (kiểu Monteggia) tay trái, đã được phẫu thuật kết hợp xương và điều trị. Hiện xương chưa liền, còn dụng cụ kết hợp xương và cứng khớp khuỷu trái.

- Hiện tại vùng mặt và vùng ngực không có dấu vết thương tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13% (mười ba phần trăm).

3. Vật gây thương tích:

- Thương tích ở cẳng tay trái do vật tày gây nên.

- Hiện tại vùng mặt và vùng ngực không có thương tích nên không có cơ sở kết luận vật gây thương tích (bút lục 180-182).

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 251/TgT, ngày 28/4/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Hà Văn Tâm:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương phần mềm, vùng cằm, đã được điều trị ổn. Hiện không còn dấu vết thương tích.

- Sẹo vùng mũi (mặt).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng cằm là 00% (Không phần trăm).

- Vùng mũi (mặt) là 06% (Sáu phần trăm).

+ Vết 1 là 03% (Ba phần trăm).

+ Vết 2 là 03% (Ba phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (Sáu phần trăm).

4. Vật gây thương tích:

- Chấn thương phần mềm vùng cằm do vật tày gây nên
- Thương tích vùng mũi (mặt) do vật có góc cạnh gây nên(bút lục 283-285).

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 274/TgT, ngày 16/5/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Phạm Công T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần vùng gôi, cằm chân trái.
- Hiện tại vùng đầu không có thương tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng đầu là: 0% (không phần trăm).
- Vùng gôi, cằm chân trái là 01% (một phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (một phần trăm).

4. Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng gôi, cằm chân trái do vật sắc gây nên; vật chứng (cây dao đánh dấu số 2 và 3) gửi giám định gây được thương tích này.
- Hiện tại vùng đầu không có dấu vết thương tích nên không có cơ sở kết luận vật gây thương tích (bút lục 186-188).

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 34cm (lưỡi dao dài 24cm), dao bị rỉ sét (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 41cm (lưỡi dao dài 27cm), dao bị rỉ sét (đã qua sử dụng).
- 01 (một) đoạn gỗ có cạnh vuông dài 100cm, hai đầu không đồng nhất (đã qua sử dụng).
- 01 (một) viên gạch ống màu nâu đỏ, kích thước 18.5x08x08cm (đã qua sử dụng).

- 07 (bảy) mảnh vỡ của viên gạch ống màu nâu đỏ gồm các kích thước dài lần lượt 18cm, 12cm, 12cm, 11cm, 10.5cm, 07cm, 6.5cm (đã qua sử dụng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Công T (Ri), Ngô Văn N (Linh) và Võ P L (Hân) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Hình phạt:

Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phạm Công T (Ri) **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Ngô Văn N (Linh) **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Võ P L (Hân) **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Phạm Công T bồi thường cho bị hại Võ Hồng P thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 18.730.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng; án phí và bảo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/3/2023 bị cáo Phạm Công T có đơn xin bãi nại đối với bị cáo Võ P L; ngày 09/4/2023 bị cáo Phạm Công T kháng cáo xin được hưởng án treo;

- Ngày 09/4/2023 bị cáo Ngô Văn N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo;

- Ngày 29/3/2023 bị cáo Võ P L có đơn xin bãi nại cho bị Ngô Văn N; Ngày 09/4/2023 bị cáo Võ P L có đơn kháng cáo xin hưởng án treo;

- Bị hại Võ Hồng P kháng cáo xin cho bị cáo Phạm Công T được hưởng án treo và xin bãi nại cho bị cáo T.

Tại giai đoạn phúc thẩm, vào ngày 24/7/2023 bị hại Võ Hồng P có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Phạm Công T; bị cáo Võ P L có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Ngô Văn N; bị cáo Phạm Công T có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Võ P L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng tội danh và đề nghị HĐXX xem xét kháng cáo cũng như đơn rút yêu cầu khởi tố của các bị hại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử ba bị cáo T, L, N về tội Cố ý gây thương tích là đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo T, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 18.730.000 đồng theo bản án sơ thẩm tuyên buộc và hỗ trợ thêm cho bị hại tổng cộng là 50.000.000 đồng; bị hại làm đơn xin bãi nại cho bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ M được quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, đồng thời áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với kháng cáo của bị cáo N, L: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, L xin rút yêu cầu khởi tố đối với hai bị cáo N và L, tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác định tư cách tham gia tố tụng của hai bị cáo T và L là bị hại trong vụ án, nên không thể xem xét việc rút đơn khởi tố của hai bị cáo, mà cần thiết phải hủy một phần bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357, điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm án cho bị cáo T còn lại từ 09 tháng đến 12 tháng tù; hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo N và L, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 29 tháng 01 năm 2022, Võ P L đến tìm Ngô Văn N để nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn. Trên đường về L lấy 02 con dao (thường dùng để chặt nước đá) quay lại tìm N thì gặp Phạm Công T đang đi ra từ hẻm nhà N. L liền cầm dao rượt đuổi làm T bỏ chạy và té ngã xuống đường lộ, L dùng dao chém trúng vào vùng gối, cẳng chân trái của T gây thương tích 1%. Bị chém, T dùng chân đạp L văng ra rồi nhặt lấy 01 đoạn cây đánh trả. Lúc này, Võ Hồng P cầm 01 viên gạch ống ném về phía T nên T quay lại dùng đoạn cây đánh trúng vào cẳng tay trái của P gây thương tích 13%. N từ trong nhà xông ra, cầm 01 viên gạch ống ném về phía L và T đang đánh nhau rồi nhặt lấy 01 đoạn cây đánh L. Khi L bị rơi dao, N liền nhặt lấy dao chém trúng vào vùng lưng và vùng gối chân phải của L gây thương tích 6%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Công T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và bị cáo Ngô Văn N và Võ P L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo N, bị cáo L:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N và L có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo L; bị cáo L xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo N. HĐXX xét thấy, trong vụ án này bị cáo N dùng cây và dao đánh, chém L gây thương tích 6%; bị cáo L dùng dao chém bị cáo T gây thương tích 1%, nhưng cấp sơ thẩm không xác định tư cách của bị cáo T, L là bị hại trong vụ án là có thiếu sót. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo T, L cũng đã được Cơ quan điều tra trưng cầu giám định thương tích và xác định được tỷ lệ thương tích cơ thể, cũng đồng thời là bị cáo tham gia tố tụng trong vụ án. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cũng đã xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo L; bị cáo L cũng xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo N; việc các bị cáo rút yêu cầu khởi tố cho nhau là hoàn toàn tự nguyện, không có hành vi cưỡng ép hoặc có sự tác động từ người khác là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật; đồng thời đây là thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Do đó, nếu HĐXX hủy án sơ thẩm về xét xử lại theo hướng xác định tư cách bị

hại của hai bị cáo T, L, sau đó xem xét việc rút yêu cầu khởi tố đối với hai bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Nên trong thảo luận và nghị án, HĐXX thiết nghĩ không cần thiết phải hủy một phần án sơ thẩm đối với bị cáo L, N; mà có thể bổ sung tư cách bị hại của hai bị cáo L, T tại phiên tòa phúc thẩm, điều này không làm thay đổi bản chất vụ án cũng như không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo T, L.

Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi tố của bị cáo T đối với bị cáo L, của bị cáo L đối với bị cáo N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 2 Điều 155 và Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo L và N.

[3.2] Xét kháng cáo của bị cáo T và bị hại P:

Xét thấy, nguyên nhân vụ án xảy ra xuất phát từ bị cáo Võ P L, khi L đi tìm bị cáo N để giải quyết mâu thuẫn nhưng không gặp, mà gặp T thì L dùng dao rượt đuổi và chém T, khiến T té ngã, lúc này bị hại Võ Hồng P (là anh em với bị cáo L) dùng gạch ném T nên bị T dùng cây đánh lại gây thương tích 13%. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 18.730.000 đồng như án sơ thẩm tuyên buộc, ngoài ra bị cáo còn tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 31.270.000 đồng; bị hại P làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đó là các tình tiết giảm nhẹ M quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo; áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Đồng thời, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa phúc thẩm bị hại P tha thiết xin cho bị cáo được hưởng án treo; đối chiếu với Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/HĐTP-TANDTC ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về án treo, thì bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định nên không cần thiết bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo T và bị hại P là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị của Kiểm sát viên giảm án cho bị cáo T là có căn cứ nên chấp nhận; tuy nhiên, xét thấy bị cáo T đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định nên HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị hủy một phần án sơ thẩm đối với hai bị cáo N và L, như HĐXX đã nhận định, phân tích tại mục [3.1] nêu trên, nên không cần thiết phải hủy một phần án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo, bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm: Biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự; án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Công T và bị hại Võ Hồng P.

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang về phần hình phạt của bị cáo Phạm Công T.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Công T – 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “**Cố ý gây thương tích**”. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 31/7/2023).

Giao bị cáo Phạm Công T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Công T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Công T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội M thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án M theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Ngô Văn N, Võ P L về phần trách nhiệm hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang về biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự; án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (3);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T Quang